

Bản án số: 54/2022/DS-PT

Ngày: 21-01-2022

V/v tranh chấp thừa kế, xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp thừa kế, xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Cẩm X, sinh năm 1957; Địa chỉ: 31/4 khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phùng Thị H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Chợ Lớn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Kiết K, sinh năm 1981; Địa chỉ: 34/5B khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Huỳnh H (sinh năm 1933, chết ngày 01/10/2016)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh H: Ông Huỳnh Cẩm X, sinh năm 1957 (có căn cước nêu trên, có mặt).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1 Ông Huỳnh Cẩm Th, sinh năm 1961

1.2 Ông Huỳnh Cẩm Đ, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: 726 A N.E. C, AB Canada (cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

1.3 Ông Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1964; Địa chỉ: 149 B, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

1.4 Ông Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 34/5B khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

1.5 Bà Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1959; Địa chỉ: 75 Aberfoyle Close NE, Calgary, AB Canada.

1.6 Ông Huỳnh Cẩm A, sinh năm 1963; Địa chỉ: 4738 M Dr.SE, C, AB Canada.

1.7 Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1965; Địa chỉ: 1162 1 London, ON Canada.

1.8 Ông Huỳnh Cẩm X1, sinh năm 1967; Địa chỉ: 311 p Way N.E. c, AB Canada.

1.9 Bà Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1952; Địa chỉ: 149 B, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng: Ông Huỳnh Cẩm X (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 17/9/2020 và văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020, có mặt).

2. Bà Hà Bửu D, sinh năm 1959

3. Ông Huỳnh Qui Q, sinh năm 1983

4. Bà Huỳnh Khoan L, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 94 B, Phường x, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (cùng có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Huỳnh Vĩ T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 34/5B, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Hà Bửu D, Huỳnh Qui Q, Huỳnh Vĩ T: Bà Huỳnh Khoan L (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2013 và văn bản ủy quyền ngày 16/11/2013, vắng mặt).

6. Bà Huỳnh Hạo Ch, sinh năm 1977; Địa chỉ: B75Bis, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

7. Ông Huỳnh Cẩm C, sinh năm 1976

8. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: 149/1A, ấp 4, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (cùng có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

9. Ngân hàng Thương mại S; Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

10. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1969; Địa chỉ: 92 ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

11. Bà Trần Ng, (sinh năm 1939, chết ngày 15/9/2020)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Ng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

11.1 Bà Trần Dục H, sinh năm 1967 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

11.2 Bà Trần Dục Ng, sinh năm 1965 (có mặt).

11.3 Bà Trần Dục M, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 3/10 T, Phường 1x, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

11.4 Ông Trần Thế H, sinh năm 1963; Quốc tịch: Canada; Địa chỉ: 24-4769 H thành phố C AB T2B 2N9 Canada (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1929, chết ngày 04/8/2012)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

12.1 Bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1960; Địa chỉ: 3B/8D khu phố 2, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

12.2 Bà Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1965; Địa chỉ: 33/4A khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

12.3 Ông Huỳnh Kim Th, sinh năm 1962

12.4 Bà Huỳnh Ngọc Ch, sinh năm 1967

12.5 Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: 34/5A khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

13. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (vợ và con ông Huỳnh G, chết năm 2009)

13.1 Bà Châu Thị M, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số 1, tổ 10, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

13.2 Ông Huỳnh Kinh D, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 18 (tổ 10 cũ), khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

13.3 Bà Huỳnh Kinh L, sinh năm 1964; Địa chỉ: 202 L, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

13.4 Ông Huỳnh Kinh Q, sinh năm 1966; Địa chỉ: 4A Trương Định, tổ 11, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

13.5 Bà Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

13.6 Bà Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1973

13.7 Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 18 (tổ 10 cũ), khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Châu Thị M, Huỳnh Kinh D, Huỳnh Kinh Q, Huỳnh Kinh L, Huỳnh Ngọc Ph, Huỳnh Ngọc Y và Huỳnh Ngọc H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: 76 P, khu phố 1, phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

14. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vợ và con ông Huỳnh H1, chết năm 2006)

14.1 Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1949

14.2 Bà Huỳnh Ngọc Thủy T, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: 107, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

15. Ủy ban nhân dân thành phố T; Địa chỉ: Phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Dương Thị Hoàng M, sinh năm 1952

2. Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1950

3. Bà Đường Sú M, sinh năm 1948

4. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người kháng cáo:

Ông Huỳnh Cẩm X là nguyên đơn.

Các ông bà Huỳnh Cẩm T, Huỳnh Cẩm V, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Dục H, Huỳnh Dục N, Trần Dục M và Trần Thế H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

* Về quan hệ huyết thống: Ông nội của nguyên đơn ông Huỳnh Cẩm X là cụ Huỳnh L, chết năm 1973, có vợ là cụ Lý H, chết năm 1960. Cụ Huỳnh L và cụ Lý H có 03 người con gồm:

1. Cụ Huỳnh Sa H, chết năm 2008; có người vợ thứ nhất là cụ Huỳnh H (sinh năm 1933, chết năm 2016) và có 11 người chung con gồm:

1.1 Bà Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1952

1.2 Ông Huỳnh H2 (sinh năm 1954, chết năm 2001); có vợ là bà Hà Bửu D, sinh năm 1959. Ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D có 05 người con chung gồm:

1.2.1 Bà Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1979, chết năm 1980 (lúc 1 tuổi)

1.2.2 Bà Huỳnh Kiết K, sinh năm 1981 (là bị đơn trong vụ án)

1.2.3 Ông Huỳnh Quy Q, sinh năm 1983

1.2.4 Bà Huỳnh Khoan L, sinh năm 1988

1.2.5 Ông Huỳnh Vĩ T, sinh năm 1994.

1.3 Ông Huỳnh Cẩm X, sinh năm 1957 (là nguyên đơn trong vụ án);

1.4 Bà Huỳnh Ngọc C (Giã Nợ C), sinh năm 1959;

1.5 Ông Huỳnh Cẩm Th, sinh năm 1961;

1.6 Ông Huỳnh Cẩm A, sinh năm 1963;

1.7 Ông Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1964;

1.8 Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1965;

1.9 Ông Huỳnh Cẩm X1, sinh năm 1967;

1.10 Ông Huỳnh Cẩm Đ, sinh năm 1970;

1.11 Ông Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1976;

Người vợ thứ hai của cụ Huỳnh Sa H là bà Trần Ng (sinh năm 1939, chết ngày 15/9/2020) và có 04 người con chung gồm:

1.12 Ông Trần Thế H, sinh năm 1963;

1.13 Trần Dục Ng, sinh năm 1965;

1.14 Trần Dục H, sinh năm 1967;

1.15 Trần Dung M, sinh năm 1969.

2. Ông Huỳnh G, chết năm 2009; có vợ là bà Châu Thị M, sinh năm 1942. Ông Huỳnh G và bà Châu Thị M có 06 người con gồm:

2.1 Ông Huỳnh Kinh D, sinh năm 1962;

2.2 Bà Huỳnh Kinh L, sinh năm 1964;

2.3 Ông Huỳnh Kinh Q, sinh năm 1966;

2.4 Bà Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm 1969;

2.5 Bà Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1973;

2.6 Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1975;

3. Ông Huỳnh H1, (sinh năm 1949, chết năm 2006); có vợ là bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1949. Ông Huỳnh H1 và bà Nguyễn Thị Kim A có 01 người con chung là chị Huỳnh Ngọc Thủy T, sinh năm 1986.

* Về di sản đang tranh chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất:

Sinh thời cụ Huỳnh L có tạo lập được diện tích đất hơn 4.000m², trên đất có “nhà từ đường”, diện tích khoảng 171m², ngoài ra trên đất còn các công trình xây dựng khác như: nhà bỏ mía, nhà máy, nhà kho, sân phơi diện tích đo đạc thực tế 3.494,8m² tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Năm 1973, cụ Huỳnh L chết, đã giao toàn bộ tài sản nêu trên cho cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H quản lý, sử dụng đến năm 1985 thì cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H xuất cảnh đi định cư tại Canada. Trước khi đi, cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H có làm thủ tục ủy quyền cho ông Huỳnh Cẩm X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông Huỳnh Cẩm X có mở một nhà máy xay lúa gia công lương thực tại thửa đất này, được vài năm thì ngừng sản xuất vì bụi và không có hiệu quả kinh tế.

Đến năm 1993, do ông Huỳnh H2 có điều kiện kinh tế và lân đất ven bờ sông Sài Gòn, nên ông Huỳnh H2 đề nghị ông Huỳnh Cẩm X làm giấy ủy quyền cho ông Huỳnh H2 (giấy viết tay) đề đo đạc lại và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì là anh em, nên ông Huỳnh Cẩm X tin tưởng đã ký giấy ủy quyền cho ông Huỳnh H2. Việc lập giấy ủy quyền chỉ có chữ ký của ông Huỳnh Cẩm X, không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Năm 2001, ông Huỳnh H2 chết, chị Huỳnh Kiệt K là con gái của ông Huỳnh H2 tiếp tục sinh sống tại nhà, đất nêu trên. Vào năm 2010, chị Kỳ có gặp ông Huỳnh Cẩm X đề yêu cầu ông Huỳnh Cẩm X ký thủ tục để chị Kỳ xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, nhưng ông Huỳnh Cẩm X không đồng ý. Chị Kỳ có đề nghị giao cho ông Huỳnh Cẩm X 10.000.000 đồng, nhưng ông Huỳnh Cẩm X không nhận. Sau đó vào tháng 11/2010, chị Kỳ có điện thoại cho ông Huỳnh Cẩm X và đề nghị giao cho ông Huỳnh Cẩm X số tiền 300.000.000 đồng, nếu ông Huỳnh Cẩm X đồng ý ký thủ tục để chị hợp thức hóa nhà, đất. Ông Huỳnh Cẩm X vẫn từ chối, không đồng ý đề nghị của chị Kỳ.

Ông Huỳnh Cẩm X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 3.494,8m² trong đó có 1.288,1m² hành lang an toàn sông, rạch; 393,7m² hành lang an toàn đường bộ (theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 263-2018 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Thuận An lập ngày 05/10/2018) cho cụ Huỳnh H được hưởng ½ số tài sản này, còn ½ tài sản chia thừa kế cho cụ Huỳnh H và 11 người con là bà Huỳnh Kim Ng, ông Huỳnh H2, ông Huỳnh Cẩm X, ông Huỳnh Ngọc C, ông Huỳnh Cẩm Th, ông Huỳnh Cẩm A, ông Huỳnh Cẩm T, bà Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Cẩm X1, ông Huỳnh Cẩm Đ và ông Huỳnh Cẩm V.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/6/2014, ông Huỳnh Cẩm X xác định Nhà nước đền bù giải tỏa công trình hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu, mẹ chị Huỳnh Kiết K là bà Hà Bửu D đã nhận số tiền đền bù 191.983.900 đồng. Vì vậy, ông Huỳnh Cẩm X yêu cầu chị Huỳnh Kiết K phải chia thừa kế đối với số tiền này.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Cẩm X đồng ý tách cho những người con của bà Nguyễn Thị C là các ông bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Ngọc Ch, Huỳnh Văn Tr phần đất diện tích 122m² không tính vào di sản thừa kế và không yêu cầu chia thừa kế (ký hiệu A, B tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018) gắn liền căn nhà cấp 4 (diện tích 58m²). Ông Huỳnh Cẩm X xác định yêu cầu chia thừa kế diện tích còn lại là 3.372,8m² (trong đó có 296,8m² thuộc hành lang an toàn đường bộ, 1.055m² thuộc hành lang bảo vệ sông và 233,1m² thuộc hành lang bảo vệ rạch); đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa trắng) số 01276/GCN/SB do UBND huyện T, tỉnh Sông Bé cấp ngày 11/9/1993 cho ông Huỳnh H2; có các tài sản gắn liền với đất là “nhà từ đường”.

Ngày 21/9/2020, ông Huỳnh Cẩm X có đơn thay đổi, bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Bổ sung yêu cầu khởi kiện:

+ Yêu cầu TAND tỉnh Bình Dương tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 11/9/1993 do UBND huyện T cấp cho ông Huỳnh H2.

+ Xác định quyền sử dụng đất 4.079,4m² đất (đo đạc thực tế 3.372,8m²) tọa lạc địa chỉ số 34/5B, khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H. Trong đó, phần di sản của cụ Huỳnh Sa H là 2/3, còn cụ Huỳnh H là 1/3. Yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ theo pháp luật.

- Rút yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Hà Bửu D về việc yêu cầu trả lại số tiền 191.983.900 đồng Nhà nước đền bù thu hồi đất quy hoạch bờ kè để chia cho các đồng thừa kế của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H.

Ngoài ra, tiếp tục đề nghị Tòa án xác định diện tích đất có nhà ở của bà Nguyễn Thị C (nay do các con bà Nguyễn Thị C quản lý, sử dụng); tách phần đất này không tính vào di sản thừa kế.

- Bị đơn chị Huỳnh Kiết K và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đăng Khoa trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất, diện tích đất gia đình chị Huỳnh Kiết K đang quản lý theo kết quả đo đạc thực tế là 3.494,8m² tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 11/9/1993 và Giấy công nhận quyền sở hữu nhà cửa số 233548/XDSH ngày 17/11/1993 cho cha chị là ông Huỳnh H2. Ông Khoa xác định đây là tài sản của cha mẹ chị Huỳnh Kiết K là ông Huỳnh H2 và

bà Hà Bửu D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Năm 1993, gia đình ông Huỳnh H2 đã thành lập và kinh doanh cơ sở sản xuất đường và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các con của ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D đều sinh ra và sống tại phần đất này cho đến hiện nay. Trong suốt quá trình sử dụng đất ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D đã thực hiện nhiều giao dịch dân sự với tư cách là chủ sử dụng đất và chủ sở hữu nhà cửa trên đất này. Ngoài ra, trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Hạo Ch (con riêng của ông Huỳnh H2) với bị đơn là bà Hà Bửu D thì cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H có ý kiến đồng ý nhận kỷ phần di sản của ông Huỳnh H2 và tặng cho chị Huỳnh Kiết K; cũng trong vụ án này, bà Hà Bửu D đã giao cho bà Huỳnh Hạo Ch số tiền 300.000.000 đồng, theo đó bà Huỳnh Hạo Ch cam kết sẽ không tranh chấp yêu cầu chia bất kỳ tài sản nào khác của ông Huỳnh H2 (nếu có). Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đồng ý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vợ con ông Huỳnh G).

- Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Hà Bửu D trình bày:

Bà Hà Bửu D có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với khoản tiền nợ mà bà Hà Bửu D đã thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S (S, sau đây viết tắt là Ngân hàng) thay cho ông Huỳnh H2 là 365.892.000 đồng. Vì khi ông Hùng còn sống, ông đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tranh chấp cho Ngân hàng để bảo đảm nợ vay cho ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị Hương G. Do ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị Hương G không có khả năng trả nợ vay, nên Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Bà Hà Bửu D đã thỏa thuận và thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng số tiền nêu trên, nên Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2007/QĐST-DS ngày 25/7/2007).

Ngoài ra, bà Hà Bửu D đã hỗ trợ di dời chỗ ở cho các hộ dân ở nhờ trên thửa đất đang tranh chấp gồm hộ ông Ngô Bửu Th, số tiền 20.000.000 đồng và hộ ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Hà Bửu D yêu cầu những người thừa kế của ông Huỳnh H2 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hà Bửu D là 435.892.000 đồng.

Tại đơn bổ sung, thay đổi, rút một phần yêu cầu độc lập ngày 14/3/2014, bà Hà Bửu D rút yêu cầu độc lập đối với việc yêu cầu người thừa kế của ông Huỳnh H2 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà D số tiền hỗ trợ di dời cho hộ ông Ngô Bửu Th 20.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2020, bà Hà Bửu D có đơn thay đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu độc lập như sau:

- Bổ sung yêu cầu: Công nhận căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 34/5B, khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 11/9/1993 do UBND huyện T cấp cho ông Huỳnh H2 và căn nhà gắn liền với

đất diện tích đo đạc thực tế là 168,2m² (nhà số 7 theo Mạnh trích lục) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Hà Bửu D và ông Huỳnh H2.

- Thay đổi yêu cầu: Buộc những người thừa kế của ông Huỳnh Hùng (kể cả các con của bà Hà Bửu D) phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hà Bửu D các khoản chi phí, các khoản nợ mà bà Hà Bửu D đã thanh toán, chi trả cộng với lãi suất theo quy định của ngân hàng (đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử), cụ thể là: Thanh toán khoản nợ và lãi vay tại Ngân hàng S (S) là 365.892.000 đồng; chi phí hỗ trợ di dời cho hộ ông Huỳnh Cẩm C và bà Trần Thị Đ là 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 435.892.000 đồng, chưa kể tiền lãi.

- Rút yêu cầu độc lập: Rút yêu cầu hỗ trợ di dời cho hộ ông Ngô Bửu T với số tiền 20.000.000 đồng, do không thể cung cấp được địa chỉ, không biết nơi cư trú hiện nay của ông Ngô Bửu T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Khoan L (người đại diện hợp pháp của bà Hà Bửu D) xác định rút yêu cầu thanh toán khoản tiền 435.892.000 đồng (gồm khoản thanh toán cho Ngân hàng và hỗ trợ hộ ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ) và khoản tiền tính lãi đối với số tiền nêu trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm các ông bà Châu Thị M, Huỳnh Kinh D, Huỳnh Kinh Q, Huỳnh Kinh L, Huỳnh Ngọc Ph, Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc H và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn T quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Thông nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Về thửa đất và tài sản gắn liền với diện tích 3.494,8m² đất tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đang tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Huỳnh L và cụ Lý H để lại. Yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L và cụ Lý H là diện tích 3.494,8m² và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho những người thừa kế của ông Huỳnh G theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Huỳnh H là các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Cẩm X1 do ông Huỳnh Cẩm X làm người đại diện hợp pháp: Thông nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Cẩm Th trình bày: Ông xin từ chối nhận di sản thừa kế là nhà đất tại số 34/5B, khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và yêu cầu vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Cẩm Đ trình bày: Ông không có ý kiến về việc tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản thừa kế của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H. Ông Huỳnh Cẩm Đ yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Cẩm T và ông Huỳnh Cẩm V trình bày: Thông nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị Huỳnh Qui Q, Huỳnh Khoan L, Huỳnh Vĩ T do chị Huỳnh Khoan L làm người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Bửu D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A và chị Huỳnh Ngọc Thủy T trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định ông Huỳnh G là con nuôi của cụ Huỳnh L, chứ không phải con ruột vì theo trích lục chứng thư hôn thú của ông Huỳnh G và bà Châu Thị M cũng như giấy khai sinh của ông Huỳnh G đều thể hiện cha là cụ Huỳnh Sơn và mẹ là cụ Lý H. Đối với tài sản tranh chấp là đất và tài sản gắn liền với đất thì bà Nguyễn Thị Kim A và chị Thủy T xác định là di sản thừa kế của cụ Huỳnh L và cụ Lý H, yêu cầu được chia một phần di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ng là các ông bà Trần Dục Ng, Trần Dục H, Trần Dung M trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang tranh chấp. Các bà và ông Trần Thế H là con của cụ Huỳnh Sa H và bà Trần Ng, nếu có căn cứ xác định là di sản của cụ Huỳnh Sa H thì các ông, bà yêu cầu được nhận một phần di sản bằng giá trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thế H trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết quyền lợi có liên quan đến ông Hùng theo quy định của pháp luật và yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Ngọc Ch, Huỳnh Văn T trình bày: Cha mẹ của các ông, bà là cụ Huỳnh Triệu L, (sinh năm 1927, chết năm 2009) và cụ Nguyễn Thị C, (sinh năm 1929, chết năm 2012). Cha mẹ của các ông, bà có 05 người con gồm: Bà Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Kim Th, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Ngọc Ch và ông Huỳnh Văn T. Cha, mẹ các ông, bà không có con riêng hay con nuôi. Năm 1962, cụ Huỳnh L (là chú ruột của ông Huỳnh Triệu L) cho cha, mẹ các ông bà cất nhà ở trên phần đất mà ông Huỳnh Cẩm X đang tranh chấp tới nay. Các ông, bà đã cư trú liên tục và ổn định trên phần đất này từ thuở nhỏ với cha, mẹ. Đến năm 2008, Nhà nước mở rộng đường, nên phía trước nhà (phần mặt tiền) bị giải tỏa 01 phần diện tích đất và các ông bà có nhận được một khoản tiền bồi thường, số tiền bao nhiêu không nhớ rõ. Vì điều kiện gia đình khó khăn, nên các ông, bà không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, có 03 người gồm Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc Ch và Huỳnh Văn Tr đang ở tại căn nhà này. Việc ông Huỳnh Cẩm X đang tranh chấp với chị Huỳnh Kiết K có cả phần đất cụ Huỳnh L đã cho cha, mẹ các ông bà làm nhà ở. Trường hợp buộc các ông, bà chuyển nhà ở trả đất thì yêu cầu ông Huỳnh Cẩm X, bà Huỳnh Kiết K phải bồi thường số tiền 1.500.000.000 đồng để các ông, bà tạo lập chỗ ở mới. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự khác đồng ý tách cho các ông, bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Ngọc Ch, Huỳnh Văn Tr phần đất diện tích 122m², trong đó có 58m² gắn

liền căn nhà cấp 4 (ký hiệu A, B theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 263-2018). Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết để các ông, bà có nơi ở ổn định. Ngoài ra, các ông, bà không có ý kiến gì về việc các đương sự tranh chấp di sản thừa kế. Các ông, bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hạo Ch trình bày:* Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành, bà không có ý kiến gì về vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ trình bày:* Khoảng năm 1987, ông Huỳnh H2 cho ông Huỳnh Cẩm C ở nhờ (chung nhà với ông Huỳnh H2) vì hoàn cảnh ông khó khăn, không có chỗ ở. Năm 1996, ông Huỳnh Cẩm C lập gia đình và được ông Huỳnh H2 cho cất nhà sát bên nhà của ông Huỳnh H2. Khoảng năm 2009, chị Huỳnh Kiết K yêu cầu ông di dời nhà đi chỗ khác và gia đình chị Huỳnh Kiết K hỗ trợ ông Huỳnh Cẩm C 50.000.000 đồng. Có sự chứng kiến của ông trưởng khu phố là ông Bảy Tôi. Ông Huỳnh Cẩm C xác định do vợ chồng ông chỉ ở nhờ trên đất và đã dọn đi nơi khác, nên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án tranh chấp này. Do bận công việc làm ăn, không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án, nên ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S trình bày:* Ông S là nhân viên của cơ sở sản xuất do ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D làm chủ. Ông S xác định năm 2007, bà Hà Bửu D có giao cho ông S số tiền 365.892.000 đồng để thanh toán cho Ngân hàng. Do bận công việc làm ăn, không có thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án, nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:* Ngân hàng có cho Công ty TNHH Nam Phương do bà Trần Thị Hương G làm giám đốc vay vốn. Trong số các tài sản đảm bảo của khoản vay, có thửa đất diện tích 2.769m² tọa lạc tại số 34/5B, khu phố Long Thới, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (Lô đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB do UBND huyện T cấp ngày 11/9/1993). Do ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D đã thế chấp để bảo lãnh phần vốn vay 2.000.000.000 đồng nợ vay của Công ty TNHH Nam Phương. Năm 2001, ông Huỳnh H2 chết do tai nạn giao thông. Vì Công ty TNHH Nam Phương không trả được nợ và bên bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Vì vậy, năm 2006 Ngân hàng khởi kiện bà Hà Bửu D và các đồng thừa kế của ông Huỳnh H2 ra TAND tỉnh Bình Dương. Năm 2007, sau khi được Ngân hàng miễn giảm nghĩa vụ bảo lãnh xuống còn số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), bà Hà Bửu D đã trả đủ số tiền này, đồng thời Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp, trả lại giấy tờ đất cho bà Hà Bửu D. Ngoài ra, bà Hà Bửu D cũng trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí phát sinh khi Ngân hàng khởi kiện là 15.891.581 đồng.

Sau khi bà Hà Bửu D trả đủ các khoản nợ, Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện và ngày 25/7/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 09/2007/QĐST-DS về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Ngân hàng xác định không còn quyền lợi nào liên quan đến thửa đất đã nhận thế chấp trước đây theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB do UBND huyện T cấp ngày 11/9/1993 cho ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D. Do đó, Ngân hàng đề nghị không tham gia tố tụng đối với vụ án tranh chấp thừa kế giữa ông Huỳnh Cẩm X và bà Huỳnh Kiệt K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Theo báo cáo số 244/BC-PTNMT ngày 08/8/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã (nay là thành phố) Thuận An, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T xác định qua đối chiếu với danh mục hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã (nay là thành phố) Thuận An thì hiện nay hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01276 ngày 11/9/1993 cấp cho ông Huỳnh H2 tại căn nhà số 34/5b, khu 4, ấp Long Thới, phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) T đang bị thất lạc, do quá trình luân chuyển hồ sơ từ khi xây dựng trụ sở mới. Theo kết quả xác minh tại phường Lái Thiêu, hiện nay UBND phường Lái Thiêu không lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đồng thời qua đối chiếu sổ đăng ký 299 năm 1985 của phường Lái Thiêu thì ông Huỳnh H2 không có tên trong sổ đăng ký 299. UBND Thành phố T yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại văn bản 3373/UBND-NC ngày 19/10/2020 và văn bản 3715/UBND-NC ngày 16/11/2020 của UBND thành phố T tiếp tục xác định đến thời điểm hiện nay vẫn chưa tìm được hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276 ngày 11/9/1993 do UBND huyện (nay là thành phố T) cấp cho ông Huỳnh H2. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng bà Dương Thị Hoàng M trình bày:* Bà Dương Thị Hoàng M là thím dâu của ông Huỳnh Cẩm X (tức bà Dương Thị Hoàng M là vợ của ông Huỳnh H1). Ông Huỳnh H1 là em trai của cụ Huỳnh Sa H. Năm 1975, bà Dương Thị Hoàng M về chung sống với ông Huỳnh H1 tại lò đường là nơi hiện nay ông Huỳnh Cẩm X đang tranh chấp. Bà xác định lò đường có nguồn gốc của ông Huỳnh L để lại cho các con gồm cụ Huỳnh Sa H, ông Huỳnh G và ông Huỳnh H1. Khi anh em thống nhất bán lò đường thì cụ Huỳnh Sa H đứng ra mua. Khi cụ Huỳnh Sa H đi Canada định cư thì viết giấy ủy quyền lại cho ông Huỳnh Cẩm X (không nhớ năm nào), nhưng tờ giấy ủy quyền do ông Huỳnh H2 là em trai ông Huỳnh Cẩm X giữ. Nội dung ủy quyền cả lò đường hay cả khu đất thì bà không rõ vì ngày đó gọi chung là lò đường Huỳnh L. Cả gia đình ông Huỳnh Cẩm X và ông Huỳnh H2 đều chung sống tại lò đường này. Ông Huỳnh Cẩm X sau đó ra ngoài ở, còn ông Huỳnh H2 ở đây đến năm 2001 thì bị tai nạn chết. Còn bà Dương Thị Hoàng M thì chung sống với ông Huỳnh H1 không có con, nên ly hôn và gia đình cưới vợ khác cho ông Huỳnh H1 là bà Nguyễn Thị

Kim A. Bà Dương Thị Hoàng M xác định không có liên quan đến quyền lợi trong khu đất lò đường này. Theo bà Dương Thị Hoàng M thì ông Huỳnh Cẩm X là người yếu thế hơn ông Huỳnh H2 vì ông Huỳnh H2 làm ra nhiều tiền và có thế hơn nên ép ông Huỳnh Cẩm X.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Kim A trình bày:* Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông Huỳnh Cẩm X và Huỳnh Kiệt K, bà là hàng xóm sống tại lò đường biết ông Huỳnh L từ năm 1960. Bà biết nguồn gốc đất và lò đường là của cụ Huỳnh Sa H đứng ra mua lại của ông Huỳnh G, Huỳnh H1 giấy tờ mua bán thì bà không rõ, đến khi cụ Huỳnh Sa H đi nước ngoài thì gia đình ông Huỳnh Cẩm X và ông Huỳnh H2 đứng ra quản lý lò đường. Có thời kỳ ông Huỳnh Cẩm X làm nhà máy xay xát tại đây. Do khói bụi nên đưa vợ con ra ngoài sinh sống. Còn ông Huỳnh H2 ở lại lò đường cho đến khi bị tai nạn chết.

- *Người làm chứng bà Đường Sú M trình bày:* Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông Huỳnh Cẩm X và Huỳnh Kiệt K. Bà là hàng xóm sống chung từ năm 1968 (Mậu Thân). Những điều bà biết giống lời khai của bà Nguyễn Kim A. Nên không trình bày gì khác.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn Nh trình bày:* Ông Nhàn là hàng xóm, không có quan hệ họ hàng gì với ông Huỳnh Cẩm X và Huỳnh Kiệt K. Ông và những người làm chứng điều biết về nguồn gốc khu đất lò đường, nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh Sa H hay gọi là ông Ba H. Trước đó không biết cụ Huỳnh Sa H mua hay nhận lò đường như thế nào. Trước giờ ông chỉ nghe nói là lò đường Huỳnh L. Khi cụ Huỳnh Sa H chưa đi nước ngoài thì gia đình cụ Huỳnh Sa H ở đây rất đông. Sau khi đi nước ngoài thì chỉ còn gia đình ông Huỳnh Cẩm X và Huỳnh H2 sinh sống ở đây. Có thời kỳ ông Huỳnh H2 và ông Huỳnh Cẩm X cùng quản lý, làm lò đường, cũng có thời gian thấy ông Huỳnh Cẩm X làm máy xay xát lúa. Sau đó thấy ông Huỳnh Cẩm X tách ra ở riêng khu đất khác, cách đó 100m, lý do ông Huỳnh Cẩm X tách ra ở riêng không rõ và vào năm nào ông cũng không nhớ. Quá trình quản lý sử dụng thì ông Huỳnh H2 là người tu bổ lò đường. Ông Nhàn xác định ông tham gia xã đội sau đó làm tư pháp xã Phú Long (sau này sát nhập vào thị trấn Lái Thiêu) nên biết rõ nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh Sa H, còn giấy tờ bên trong như thế nào thì không biết. Ông Nhàn cam kết những lời khai trên là đúng sự thật.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Quang Mai trình bày:* Nguyên đơn ông Huỳnh Cẩm X khởi kiện yêu cầu xác định diện tích đo đạc thực tế 3.494,8m² và tài sản gắn liền với đất là di sản của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H; yêu cầu chia di sản này cho 11 người con của cụ Hưng và cụ Huỳnh H; yêu cầu bán di sản này để phân chia. Căn cứ pháp lý chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông Huỳnh Cẩm X đã trình bày nguồn gốc đất và phần lớn công trình là của cụ Huỳnh L sử dụng để ở và sản xuất đường mía trước năm 1973. Cụ Huỳnh L chết, ông Huỳnh Sa H (cha ông Huỳnh Cẩm X) tiếp tục kinh doanh và sử dụng đất này. Bà Bình (con bà Nguyễn Thị C) cũng đã xác định trong biên bản đối chất ngày 07/02/2018 là cha, mẹ bà ở căn nhà trên đất tranh chấp hiện nay và làm thuê tại lò đường của cụ Huỳnh L. Cụ Huỳnh L và cụ Lý H có 03 người con

là ông Huỳnh Sa H, ông Huỳnh G và ông Huỳnh H1 thì vợ con của ông Huỳnh G đã có bản tường trình xác định cụ Huỳnh L có miếng đất tại địa chỉ 34/5B, khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và các phần thừa kế của họ đã bán cho ông Huỳnh Sa H. Ngoài ra, giấy chứng nhận đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên lập năm 1985 có tên 17 nhân khẩu gồm ông Huỳnh H2, con, dâu, cháu và cả em của ông Huỳnh Sa H là ông Huỳnh H1. Như vậy, cho đến ngày 12/6/1985, ông Huỳnh Sa H và vợ vẫn là người sử dụng hợp pháp bất động sản tại địa chỉ nêu trên và ông Huỳnh H2 lúc đó chỉ là một trong những người con có tên trong hộ khẩu, phụ thuộc chủ hộ. Tại đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà cửa lập ngày 10/10/1993, ông Huỳnh H2 trình bày về nguồn gốc nhà cửa là “Trước đây nhà của gia đình cha mẹ, do tôi đứng tên và xây dựng sửa chữa lại 1976”. Do đó, căn nhà tại địa chỉ nêu trên có nguồn gốc của cha mẹ ông Huỳnh H2 là ông Huỳnh Sa H và bà Huỳnh H. Ông Huỳnh H2 chỉ sửa chữa lại và cho đến nay không có chứng cứ chuyển quyền căn nhà này từ ông Huỳnh Sa H, bà Huỳnh H sang cho ông Huỳnh H2. Giấy chứng nhận kết hôn của ông Huỳnh Cẩm X và bà Hà Bửu D cũng thể hiện nơi đăng ký nhân khẩu là tại địa chỉ nhà đất tranh chấp, điều này củng cố cho tình tiết bất động sản này vẫn do cha mẹ ông Huỳnh Cẩm X sử dụng và để cho con dâu về ở. Từ những chứng cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xác định phần đất đang tranh chấp là di sản của ông Huỳnh Sa H và bà Huỳnh H, yêu cầu chia di sản này cho 11 người con của ông Huỳnh Sa H và bà Huỳnh H.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Huỳnh H2 không cung cấp được giấy chuyển quyền sở hữu nhà đất tại 34/5, khu phố Long thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương từ cha mẹ hoặc từ người khác cho ông. Chỉ có duy nhất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan chức năng cũng đã trả lời cho Tòa án là không thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về mặt pháp lý ông Huỳnh H2 không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Mục II, khoản 2 Thông tư 302 TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục Quản lý ruộng đất và Luật Đất đai năm 1987. Mặt khác, ông Huỳnh H2 không có tên trong sổ đăng ký 299 năm 1985 của phường Lái Thiêu. Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận cho đối tượng không đủ điều kiện được cấp thì Nhà nước thu hồi. Ngoài ra, có quan điểm cho rằng đã hết thời hiệu yêu cầu hủy giấy chứng nhận nói trên là không đúng bởi theo Thông tư liên tịch số 01/2014 ngày 06/01/2014 của TANDTC-VKSNDTC-BTP thì Tòa án không áp dụng thời hiệu quy định trong pháp luật tố tụng hành chính khi xem xét yêu cầu hủy quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Bửu D là Luật sư Phạm Hoàng H trình bày:* Tôi đề nghị Hội đồng xét xử tham khảo Án lệ số 32/2020/AL và Án lệ số 35/2020/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 05/02/2020. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như nguyên đơn đều cho rằng phần đất tọa lạc tại 34/5, khu phố Long thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là

nguồn gốc di sản do cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H tạo lập. Tuy nhiên, căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 1993, năm 2003 và năm 2013 thì để chứng minh nguồn gốc đất phải có giấy chứng nhận. Tại thời điểm năm 1985 (trước khi cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H đi định cư), đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại sao cụ Hưng và cụ Huỳnh H không đăng ký kê khai. Hơn nữa, nếu đây là đất của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H thì trong biên bản lấy lời khai của Thẩm phán TAND tỉnh Bình Dương trong vụ án tranh chấp giữa bà Huỳnh Hạo Ch và bà Hà Bửu D thì hai cụ tự nguyện nhận kỷ phần thừa kế của ông Huỳnh H2 và quyết định tặng cho cháu là Huỳnh Kiệt K, nếu thực sự lúc đó hai cụ là chủ sử dụng đất thì không có chuyện nhận kỷ phần và tặng lại kỷ phần thừa kế cho chị Huỳnh Kiệt K. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị xác định toàn bộ phần đất tọa lạc tại 34/5, khu phố Long thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là di sản của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H mà không xem xét công sức đóng góp, gìn giữ, bảo tồn của bà Hà Bửu D. Nếu bà Hà Bửu D không bỏ tiền ra để trả nợ Ngân hàng thì không có đất để nguyên đơn tranh chấp, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản mà không tính đến việc gìn giữ là chưa đúng. Thống nhất với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý để phân đất diện tích 122m² cho các con bà Nguyễn Thị C không yêu cầu chia thừa kế.

Đến thời điểm này chưa có một bản án, quyết định nào xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông Huỳnh H2 năm 1993 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà của Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé cấp cho ông Huỳnh H2 là giấy tờ giả. Việc cơ quan chức năng cho rằng thất lạc hồ sơ không có nghĩa là hồ sơ này làm không đúng trình tự. Mặt khác, cán bộ địa chính xã Phú Long (cũ) đã xác định thời điểm đó phải có kê khai mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận là không có căn cứ. Cụ Huỳnh Sa H cụ Huỳnh H đã đi định cư năm 1985 thì không thể đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đã có quốc tịch Canada. Nguyên đơn muốn chứng minh đất này là của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H thì phải chứng minh bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D công nhận phần đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 34/5 khu phố Long thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là tài sản chung vợ chồng bà Hà Bửu D và ông Huỳnh H2; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị bà Châu Thị M do ông Nguyễn Văn T đại diện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 16/12/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 37, Điều 147, Điều 228; Điều 217, Điều 266, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 221, 236, 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 100 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 12 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Cẩm X về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đền bù giải tỏa công trình Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu do bà Hà Bửu D đã nhận là 191.983.900 đồng.

[2] Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D về việc buộc những người thừa kế của ông Huỳnh H2 (kể cả các con của ông Huỳnh H2 - bà Hà Bửu D) phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hà Bửu D tổng số tiền 435.892.000 đồng, gồm: Số tiền 365.892.000 đồng là khoản vay, tiền lãi bà thanh toán cho Ngân hàng Thương mại S (S), số tiền 50.000.000 đồng hỗ di dời cho hộ ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ; số tiền 20.000.000 đồng hỗ trợ di dời cho hộ ông Ngô Bửu Th.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Cẩm X về việc tranh chấp di sản thừa kế của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H đối với diện tích đất 3.372,8m² và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà cấp 4 (ký hiệu số 7 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018) tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 11/9/1993 (sổ bìa trắng) do UBND huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố T, tỉnh Bình Dương) cấp cho ông Huỳnh H2.

[4] Chấp nhận phần yêu cầu độc lập còn lại của bà Hà Bửu D: Xác định diện tích đất 3.372,8 m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 diện tích 168,2m² (ký hiệu số 7 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018) là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Châu Thị M và các ông, bà Huỳnh Kinh D, Huỳnh Kinh Q, Huỳnh Kinh L, Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc H và Huỳnh Ngọc Ph về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L, cụ Lý H là quyền sử dụng đất diện tích 3.372,8 m² và tài sản gắn liền với đất do bên bị đơn đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn chị Huỳnh Kiết K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hà Bửu D, chị Huỳnh Khoan L, anh Huỳnh Vỹ T, anh Huỳnh Qui Q giao và thực hiện thủ tục tách thửa cho các con của bà Nguyễn Thị C gồm các ông, bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc Ch và Huỳnh Văn Tr được quyền sử dụng chung diện tích đất theo hiện trạng thực tế là 122m² (trong đó có 98.9m² HLATĐB), có tài sản

gắn liền đất là căn nhà cấp 4 (diện tích 58m²; ký hiệu A, B theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018).

Các ông, bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc Ch và Huỳnh Văn Tr có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 122m² đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Từ ngày 21 đến ngày 23/12/2020, các đương sự kháng cáo như sau:

- Ông Huỳnh Cẩm X là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Cẩm X là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

- Bà Huỳnh Kiệt K là bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Hà Bửu D, Huỳnh Qui Q, Huỳnh Khoan L và Huỳnh Vĩ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, các ông bà nêu trên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M (bà Trần Dục M đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Trần Thế H - người có kháng cáo), Huỳnh Cẩm T không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu và có cùng yêu cầu như ông Huỳnh Cẩm X.

- Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Trong phần tranh luận, các đương sự và Luật sư trình bày như sau:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Cẩm X:

Xác định yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Cẩm X: Yêu cầu huỷ một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là phần tranh chấp di sản thừa kế; không kháng cáo đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Về các căn cứ kháng cáo:

1. Về thủ tục tố tụng:

Theo các văn bản số 1325, 4486, 2449 của UBND Thành phố T thì toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh H2 đã thất lạc, do đó không có căn cứ xác định ông Huỳnh H2 có đăng ký quyền sử dụng đất theo Quyết định 299/TTg hay không. Do đó, bản án sơ thẩm chưa làm rõ trước khi ông Huỳnh H2 được cấp giấy chứng nhận thì ai là người kê khai, đăng ký sử dụng đất.

Tại bản vẽ phục vụ cho việc giải quyết vụ án thể hiện trên phần đất tranh chấp có hơn 10 căn nhà, nhưng bản án sơ thẩm cũng chưa làm rõ những căn nhà này do ai xây dựng, ai sử dụng.

2. Về nội dung:

Toà án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào chứng cứ ông Huỳnh H2 là người kê khai, đăng ký, đóng thuế, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà vào năm 1993, để bác yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ. Bởi:

Ông Huỳnh H2 sinh năm 1954, tính đến năm 1976 chỉ hơn 20 tuổi, sống phụ thuộc vào cha mẹ, không thể có tiền xây dựng, sửa chữa nhà. Điều này cũng được ông Huỳnh H2 thừa nhận trong hồ sơ xin sửa chữa nhà rằng nhà của cha mẹ.

Về việc đóng thuế: Hồ sơ thể hiện ông Huỳnh H2 chỉ đóng thuế từ năm 1995 sau khi được cấp giấy chứng nhận.

Về kê khai: Bản án sơ thẩm chỉ dựa vào ý kiến của một viên chức cấp phường, không có sổ kê khai đăng ký.

Tại trang 21 dòng thứ 4 từ trên xuống của bản án sơ thẩm cũng xác định nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh L và cụ Lý H tạo lập.

Lời khai của các nhân chứng đều xác định nguồn gốc đất là của cụ Huỳnh L, cụ Lý H tạo lập. Cả 17 thành viên trong gia đình đều sinh sống tại đây và cụ Lý H, cụ Lý H mới đi định cư tại Canada từ năm 1985.

Từ những căn cứ trên, có căn cứ để xác định nhà, đất là của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H, không phải của ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Cẩm X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

- Ông Huỳnh Cẩm X bổ sung: Đồng ý với lời trình bày của Luật sư.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T: Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm vì xét xử không đúng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và trình bày như sau:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các ông bà Huỳnh Cẩm X, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và

Trần Thế H làm trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất của đương sự, do đó không vi phạm thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Phần đất đúng là có nguồn gốc của cụ Huỳnh L và cụ Lý H tạo lập, nhưng họ không kê khai, đăng ký, không sử dụng mà do ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D và các con đăng ký, sử dụng. Đối với “căn nhà từ đường” thực tế đã xuống cấp, chỉ còn mấy bức tường, trước đây do ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D bỏ tiền ra sửa chữa và sau này xây dựng mới. Bản án sơ thẩm xác định nhà, đất là tài sản chung của ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các ông bà Huỳnh Cẩm X, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H nộp trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Huỳnh Kiệt K tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Các ông bà Hà Bửu D, Huỳnh Qui Q, Huỳnh Khoan L và Huỳnh Vĩ T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các ông bà này có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Cẩm X, Luật sư của ông Huỳnh Cẩm X xác định chỉ kháng cáo phần tranh chấp về việc chia thừa kế di sản của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm vì xét xử không đúng, không khách quan. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của các ông bà Huỳnh Cẩm X, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H, nhận thấy:

[4.1] Về quan hệ huyết thống: Do các đương sự khai thống nhất, không phản đối nên vấn đề về quan hệ huyết thống là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Ông nội của ông Huỳnh Cẩm X là cụ Huỳnh L, chết năm 1973, có vợ là cụ Lý H, chết năm 1960. Cụ Huỳnh L và cụ Lý H có 03 người con gồm:

1. Cụ Huỳnh Sa H, chết năm 2008; có người vợ thứ nhất là cụ Huỳnh H, (sinh năm 1933, chết năm 2016) và có 11 người chung con gồm:

1.1 Bà Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1952

1.2 Ông Huỳnh H2 (sinh năm 1954, chết năm 2001); có vợ là bà Hà Bửu D, sinh năm 1959. Ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D có 05 người con chung gồm:

1.2.1 Bà Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1979, chết năm 1980 (lúc 1 tuổi)

1.2.2 Bà Huỳnh Kiết K, sinh năm 1981 (là bị đơn trong vụ án)

1.2.3 Ông Huỳnh Quy Q, sinh năm 1983

1.2.4 Bà Huỳnh Khoan L, sinh năm 1988

1.2.5 Ông Huỳnh Vĩ T, sinh năm 1994.

1.3 Ông Huỳnh Cẩm X, sinh năm 1957 (là nguyên đơn trong vụ án);

1.4 Bà Huỳnh Ngọc C (Giản Ngọc C), sinh năm 1959;

1.5 Ông Huỳnh Cẩm Th, sinh năm 1961;

1.6 Ông Huỳnh Cẩm A, sinh năm 1963;

1.7 Ông Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1964;

1.8 Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1965;

1.9 Ông Huỳnh Cẩm X1, sinh năm 1967;

1.10 Ông Huỳnh Cẩm Đ, sinh năm 1970;

1.11 Ông Huỳnh Cẩm V, sinh năm 1976;

Người vợ thứ hai của cụ Huỳnh Sa H là bà Trần Ng (sinh năm 1939, chết ngày 15/9/2020) và có 04 người con chung gồm:

1.12 Ông Trần Thế H, sinh năm 1963;

1.13 Trần Dục Ng, sinh năm 1965;

1.14 Trần Dục H, sinh năm 1967;

1.15 Trần Dung M, sinh năm 1969.

2. Ông Huỳnh G, chết năm 2009; có vợ là bà Châu Thị M, sinh năm 1942. Ông Huỳnh G và bà Châu Thị M có 06 người con gồm:

2.1 Ông Huỳnh Kinh D, sinh năm 1962;

2.2 Bà Huỳnh Kinh L, sinh năm 1964;

2.3 Ông Huỳnh Kinh Q, sinh năm 1966;

2.4 Bà Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm 1969;

2.5 Bà Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1973;

2.6 Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1975;

3. Ông Huỳnh H1, (sinh năm 1949, chết năm 2006); có vợ là bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1949. Ông Huỳnh H1 và bà Anh có 01 người con chung là chị Huỳnh Ngọc Thủy T, sinh năm 1986.

Cụ Huỳnh L và cụ Lý H không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Hai cụ chết không để lại di chúc. Cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H chết cũng không để lại di chúc.

[4.2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X: Do ông Huỳnh Cẩm X tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 191.983.900 đồng do Nhà nước đền bù khi giải tỏa đất làm bờ kè sông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Về di sản đang tranh chấp: Các đương sự không thống nhất và xác định như sau:

- Ông Huỳnh Cẩm X xác định 3.372,8m² đất (trừ đi 122m² do các con bà Nguyễn Thị C hiện đang sử dụng, không tranh chấp) và tài sản gắn liền với đất là căn “nhà từ đường” có trên đất là di sản của cha mẹ ông là cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể cụ Huỳnh Sa H là 2/3, cụ Huỳnh H là 1/3 nhà, đất. Ngoài ra không tranh chấp các tài sản khác.

- Bà Huỳnh Kiết K xác định nhà và đất ông Huỳnh Cẩm X đang tranh chấp không phải là di sản của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H, mà đó là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D (là cha mẹ ruột của bà). Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X.

- Bà Huỳnh Khoan L là người đại diện hợp pháp của bà Hà Bửu D yêu cầu Tòa án xác định tài sản mà ông Huỳnh Cẩm X tranh chấp là tài sản chung của ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D trong thời kỳ hôn nhân; buộc những người thừa kế của ông Huỳnh H2 (kể cả các con của ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Bửu D số tiền 435.892.000 đồng gồm: khoản tiền bà Hà Bửu D thanh toán nợ thay cho ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Hương G tại Ngân hàng là 365.892.000 đồng; khoản tiền 50.000.000 đồng hỗ trợ cho ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ là người ở nhờ di chuyển chỗ ở, trả đất cho gia đình bà.

- Bà Châu Thị M và các con của bà do ông Nguyễn Văn T đại diện xác định tài sản đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ Huỳnh L và cụ Lý H để lại. Đề nghị Tòa án chia thừa kế cho các con của cụ Huỳnh L và cụ Lý H, gồm ông Huỳnh H1, Huỳnh G và Huỳnh Sa H theo quy định của pháp luật. Các ông Huỳnh H1, Huỳnh G và Huỳnh Sa H đều đã chết, nên vợ và các con của các ông được thừa kế.

[4.4] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, nhận thấy:

[4.4.1] Tại Biên bản xác minh ngày 20/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ông Huỳnh H2 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và xây dựng, sửa chữa nhà ở từ năm 1976; thực hiện việc đóng thuế sử dụng đất hàng năm; có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất với UBND cấp xã và được

Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa trắng) ngày 11/9/1993 và Giấy công nhận quyền sử dụng nhà cửa số 233548/XDSH ngày 17/11/1993. Cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H có sinh sống tại thửa đất này, nhưng đi xuất cảnh định cư ở nước ngoài từ năm 1985. Sau đó, khoảng năm 1991, 1992 thì gia đình ông Huỳnh Cẩm X đã chuyển nhà đi nơi khác sinh sống. Quá trình tham gia tố tụng, ông Huỳnh Cẩm X thừa nhận điều này và thừa nhận ông Huỳnh H2 có hỗ trợ ông 02 chỉ vàng để tạo lập chỗ ở mới. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng hồ sơ chỉ thể hiện ông Huỳnh H2 chỉ đóng thuế vào năm 1995 sau khi đã được cấp giấy chứng nhận, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi chưa điều tra làm rõ ai là người đăng ký sử dụng là không có căn cứ để chấp nhận. Vì tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện bản thân nguyên đơn, cụ Huỳnh L và cụ Lý H hay cụ Huỳnh H là người kê khai, đăng ký và đóng thuế sử dụng đất.

[4.4.2] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, ông Huỳnh H2 có khai nhà cửa của cha mẹ, nhưng do ông Huỳnh H2 là người đứng tên, xây dựng, sửa chữa lại vào năm 1976. Cụ Huỳnh Sa H có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban Cách mạng hành chính ấp Long Thới ngày 28/5/1976 có nội dung bảo lãnh cho ông Huỳnh G và vợ con về ở chung với cụ Huỳnh Sa H; giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú lập ngày 12/6/1985 hộ cụ Huỳnh Sa H gồm 17 người con cháu. Bà Châu Thị M và bà Nguyễn Thị Kim A đều có lời khai cụ Huỳnh L chết không để lại di chúc, quyền lợi của chồng bà Châu Thị M là ông Huỳnh G và chồng bà Nguyễn Thị Kim A là ông Huỳnh H1 giao lại cho cụ Huỳnh Sa H. Như vậy, có căn cứ khẳng định nguồn gốc thửa đất do cụ Huỳnh L và cụ Lý H tạo lập. Tuy nhiên, ông Huỳnh Cẩm X không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh căn cứ xác lập quyền sở hữu tài sản của cụ Huỳnh L và cụ Lý H theo quy định của pháp luật và cụ Huỳnh L và cụ Lý H để lại tài sản này cho cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H. Do đó, không có cơ sở pháp lý để xác định nhà và đất đang tranh chấp là di sản của cụ Huỳnh L và cụ Lý H hay cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H theo hướng dẫn tại tiêu mục 1, Mục II Nghị quyết số 02/2004/NQHĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thực tế tài sản gắn liền với đất hiện tại có nhà ở, nhà kho, nhà sản xuất mía đường đã xuống cấp, không sử dụng; trong đó nhà ở ông Huỳnh H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 1993. Ông Huỳnh Cẩm X xác định tài sản gắn liền với đất do cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H tạo lập (di sản) là “căn nhà từ đường”.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 23/6/2020, ông Huỳnh Cẩm X có cung cấp chứng cứ mới là 17 tấm ảnh chụp gia đình ông tại các sự kiện và xác định là các sự kiện này diễn ra tại “căn nhà từ đường”. Toà án cấp sơ thẩm đã tạm dừng phiên toà để điều tra, xác minh. Kết quả thể hiện, “căn nhà từ đường” theo xác định của ông Huỳnh Cẩm X là căn nhà có ký hiệu số 7 trong bản vẽ hiện trạng nhà đất là loại nhà cấp 4 có hai mái lợp tôn thiếc, nền gạch men màu xanh và thông với căn nhà ký hiệu số 8 là nhà 2 tầng do ông Huỳnh H2 xây dựng; căn

nhà ký hiệu số 7 đã xuống cấp, không còn sử dụng để ở được. Ông Huỳnh Cẩm X xác định trong quá trình ở tại đây, ông Huỳnh H2 đã sửa chữa lại hầu hết, chỉ còn lại một vài bức tường.

Bà Huỳnh Kiết K xác định không biết “căn nhà từ đường” nào, từ khi chị em bà được sinh ra, lớn lên đã thấy căn nhà như hiện nay. Kết quả định giá thể hiện tất cả nhà ở và các công trình gắn liền với đất có thời gian xây dựng từ năm 1993 đến năm 2015 là phù hợp với thực tế khách quan và kết quả Tòa án xác minh đối với đại diện khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D đã thực hiện các giao dịch dân sự như bảo lãnh cho ông Tráng vay tiền của Ngân hàng bằng chính tài sản này; thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay; ký hợp đồng cho Công ty TNHH Nam Phương thuê đất để làm nhà kho. Bà Hà Bửu D được Nhà nước chi trả tiền bồi thường đất giải tỏa phần sát bờ sông Sài Gòn để làm bờ kè; thực hiện hỗ trợ cho hộ ông bà Huỳnh Cẩm C, Trần Thị Đ; hộ ông Ngô Bửu Th là những người ở nhờ trên đất di chuyển chỗ ở khác để trả đất cho gia đình bà Hà Bửu D.

[4.4.3] Tại Biên bản lấy lời khai do TAND tỉnh Bình Dương lập ngày 24/11/2004 (trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế do bà Huỳnh Hạo Ch, là con riêng của ông Huỳnh H2) khởi kiện. Tại thời điểm này, cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H đang có mặt tại Việt Nam. Cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H khai “Chúng tôi đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của ông Huỳnh H2, nhưng chúng tôi quyết định cho lại phần thừa kế này cho cháu Huỳnh Kiết K. Mọi vấn đề khác của sự việc, yêu cầu Tòa án giải quyết và không triệu tập chúng tôi đến Tòa án. Vì chúng tôi đang ngụ tại Canada”. Điều này đã thể hiện ý chí của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H là nhà, đất mà ông Huỳnh H2 đứng tên không phải là tài sản của hai cụ mà là tài sản và là di sản của ông Huỳnh H2 (trong vụ kiện của bà Huỳnh Hạo Ch). Lời khai này của hai cụ phù hợp với Văn bản số 290/CV-PA08 ngày 14/8/2020 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bình Dương, rằng “Qua tra cứu hồ sơ dữ liệu, thông tin quản lý của đơn vị, không có tài liệu nào liên quan tới đương sự Huỳnh Sa H và Huỳnh H theo yêu cầu của Tòa án”. Trong vụ án này, bà Hà Bửu D cũng là người thỏa thuận giao cho bà Huỳnh Hạo Ch 300.000.000 đồng; bà Huỳnh Hạo Ch rút yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Cẩm X xác định khi cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H về Việt Nam có biết việc ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D đã thế chấp tài sản này cho Ngân hàng, nhưng không có ý kiến gì.

[4.4.4] Ông Huỳnh Cẩm X xác định tài sản (di sản) mà bà Huỳnh Hạo Ch tranh chấp tại Tòa án năm 2004 là đất và lò sản xuất gốm của ông Huỳnh H2 ở huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, chứ không phải nhà, đất mà ông đang tranh chấp trong vụ án này. Tuy nhiên, bà Huỳnh Hạo Ch có lời khai xác định tranh chấp tài sản là nhà, đất tọa lạc tại thị trấn Lái Thiêu (là tài sản ông Huỳnh Cẩm X đang tranh chấp).

[4.4.5] Ông Huỳnh H2 đã thực tế chiếm hữu ngay tình, sử dụng tài sản đang tranh chấp liên tục ít nhất từ năm 1976 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện (năm 2011) là 35 năm và đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 44 năm là đủ điều

kiện xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu, quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự 2015.

Do không có căn cứ pháp lý để xác định nhà, đất đang tranh chấp là di sản của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H, nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.5] Đối với diện tích đất có tài sản là nhà ở gắn liền với đất hiện nay do các con bà Nguyễn Thị C đang quản lý, sử dụng. Do ông Huỳnh Cẩm X không tranh chấp, đồng ý giao cho các con bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý sử dụng theo hiện trạng thực tế. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đứng về phía nguyên đơn, thống nhất ý kiến này của ông Huỳnh Cẩm X. Xét đây là ý chí tự nguyện của ông Huỳnh Cẩm X và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X không được chấp nhận, nên Toà án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự thoả thuận này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.6] Về yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10276/GCN-SB do UBND huyện T (nay là thành phố T) cấp cho ông Huỳnh H2 ngày 11/9/1993 (sổ bìa trắng):

Như phần trên đã nhận định không có căn cứ để xác định tài sản đang tranh chấp là di sản của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H; đồng thời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh H2 phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, tương ứng Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Huỳnh Cẩm X là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.7] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Châu Thị M và các con bà Châu Thị M là ông Huỳnh Kinh D, ông Huỳnh Kinh Q, bà Huỳnh Kinh L, bà Huỳnh Ngọc Ph, bà Huỳnh Ngọc Y, bà Huỳnh Ngọc H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L và cụ Lý H:

[4.7.1] Toà án cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện này còn thời hiệu là đúng với các quy định tại Điều 623, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Văn bản số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 26/2018/AL.

[4.7.2] Do không có căn cứ pháp lý xác định tài sản đang tranh chấp là di sản của cụ Huỳnh Sa H và cụ Huỳnh H; đồng thời tại Tờ tự khai ngày 14/3/2015, bà Châu Thị M xác định: “Tôi: Châu Thị M và các con tôi cam kết với Tòa án, từ năm 1976 cho đến sau này, tôi và gia đình tôi không còn trách nhiệm liên quan gì đến miếng đất kể trên và tôi cam đoan lời khai trên là sự thật”. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Châu Thị M về việc chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L và cụ Lý H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.8] Về yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D:

[4.8.1] Bà Hà Bửu D có nhiều yêu cầu độc lập, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Khoan L là người đại diện hợp pháp của bà Hà Bửu D rút phần

lớn yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D, chỉ yêu cầu Tòa án công nhận nhà và đất đang tranh chấp là tài sản chung của bà Hà Bửu D và ông Huỳnh H2 trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D và ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc xác định quyền sử dụng đất cho các con của bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.8.2] Xét thấy, ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D là vợ chồng hợp pháp, chung sống với nhau từ năm 1976 đến năm 1981 thì có đăng ký kết hôn. Ông Huỳnh H2, bà Hà Bửu D cùng quản lý, sử dụng tài sản đang tranh chấp, cùng sửa chữa nhà vào năm 1976 và năm 1993, ông Huỳnh H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 12/9/1993 và Giấy công nhận quyền sở hữu nhà cửa số 233548/XDSH ngày 17/11/1993. Năm 2001, ông Huỳnh H2 chết, bà Hà Bửu D và các con tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay. Trong quá trình quản lý sử dụng tài sản, bà Hà Bửu D và ông Huỳnh H2 cùng ký kết và thực hiện các giao dịch dân sự; thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản này, không có ai tranh chấp hoặc khiếu nại. Toàn bộ quá trình quản lý, sử dụng tài sản nêu trên diễn ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D về xác định quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng bà (nhà và đất nguyên đơn đang tranh chấp) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 35/2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

[4.9] Về quyền lợi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là các con của bà Nguyễn Thị C (những người đang ở trên đất đang tranh chấp):

Xét thấy, các đương sự xác định gia đình bà Nguyễn Thị C ở nhờ trên đất đang tranh chấp từ trước năm 1975 đến nay đã hơn 30 năm, đủ điều kiện xác lập quyền sở hữu theo quy định tại Điều 247 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015). Đồng thời, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn cũng đồng ý giao cho các con bà Nguyễn Thị C theo hiện trạng sử dụng đất thực tế là 122m² (trong đó có 98.9m² HLATĐB). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X, đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Cẩm X; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D; không chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông bà Châu Thị M, Huỳnh Kinh D, Huỳnh Kim Quốc, Huỳnh Kinh L, Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc H, Huỳnh Ngọc Ph; ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Kiết K và các con của bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, những người có kháng cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của những người này là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của

đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Các nhận định trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận các luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Cẩm X sinh năm 1957 và bà Huỳnh Kim Ng sinh năm 1952 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Huỳnh Cẩm X, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Kim Ng, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ các Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 217, Điều 266, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 221, 236, 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 100 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 12 quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Cẩm X về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đền bù giải tỏa công trình Hệ thống thủy lợi An Sơn - Lái Thiêu do bà Hà Bửu D đã nhận là 191.983.900 đồng.

[2] Đình chỉ phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D về việc buộc những người thừa kế của ông Huỳnh Hùng (kể cả các con của ông Huỳnh H2 - bà Hà Bửu D) phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hà Bửu D tổng số tiền

435.892.000 đồng, gồm: số tiền 365.892.000 đồng là khoản vay, tiền lãi bà thanh toán cho Ngân hàng Thương mại S (S), số tiền 50.000.000 đồng hỗ trợ di dời cho hộ ông Huỳnh Cẩm C, bà Trần Thị Đ; số tiền 20.000.000 đồng hỗ trợ di dời cho hộ ông Ngô Bửu Th.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Cẩm X, về việc tranh chấp di sản thừa kế của cụ Huỳnh Sa H, cụ Huỳnh H đối với diện tích đất 3.372,8m² và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là căn nhà cấp 4 (ký hiệu số 7 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018) tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01276/GCN-SB ngày 11/9/1993 (sổ bì trắng) do UBND huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) cấp cho ông Huỳnh H2.

[4] Chấp nhận phần yêu cầu độc lập của bà Hà Bửu D: Xác định diện tích đất 3.372,8 m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 diện tích 168,2m² (ký hiệu số 7 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018) là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh H2 và bà Hà Bửu D trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Châu Thị M và các ông, bà Huỳnh Kinh D, Huỳnh Kinh Q, Huỳnh Kinh L, Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc H và Huỳnh Ngọc Ph, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh L, cụ Lý H là quyền sử dụng đất diện tích 3.372,8 m² và tài sản gắn liền với đất do bên bị đơn đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn chị Huỳnh Kiết K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Hà Bửu D, chị Huỳnh Khoan L, anh Huỳnh Vỹ T, anh Huỳnh Qui Q giao và thực hiện thủ tục tách thửa cho các con của bà Nguyễn Thị C gồm các ông, bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc Ch và Huỳnh Văn Tr được quyền sử dụng chung diện tích đất theo hiện trạng thực tế là 122m² (trong đó có 98.9m² HLATĐB), có tài sản gắn liền đất là căn nhà cấp 4 (diện tích 58m²; ký hiệu A, B theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 263-2018).

Các ông, bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Kim Th, Huỳnh Ngọc Ch và Huỳnh Văn Tr có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 122m² đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Cẩm X sinh năm 1957 và bà Huỳnh Kim Ng sinh năm 1952 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các ông bà Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Cẩm A, Huỳnh Ngọc S, Huỳnh Cẩm X1, Huỳnh Cẩm V, Trần Dục H, Trần Dục Ng, Trần Dục M, Huỳnh Cẩm T và Trần Thế H mỗi người phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà mỗi ông bà đã nộp theo các phiếu thu số 44867, 44868, 44869, 44870, 44871, 44872, 44873

cùng ngày 30/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Các ông bà nêu trên đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[9] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Dương sự (7);
- Lưu VP(3), HS(2). 32b, HQ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa